# QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỜNG VŨ NINH, TỈNH BẮC NINH THEO TIẾP CẬN THAM GIA

**Tô Thị Quỳnh**
**Trường Tiểu học Vũ Ninh, phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh**
**Email: tothiquynhc1vn1bn@bacninh.edu.vn**

***Tóm tắt:*** *Trên cơ sở hệ thống hoá lý luận về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ (KNTPV) theo các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra – đánh giá, nghiên cứu khảo sát 96 cán bộ quản lý, giáo viên bằng phiếu hỏi, phỏng vấn. Kết quả cho thấy quản lý hoạt động giáo dục KNTPV ở mức trung bình khá; các khâu xác định mục tiêu, phân tích điều kiện được thực hiện tốt hơn so với lập kế hoạch phối hợp lực lượng, bồi dưỡng giáo viên, huy động phụ huynh và gắn kiểm tra, đánh giá với thi đua, khen thưởng. Từ đó, bài báo đề xuất 5 biện pháp quản lý theo tiếp cận tham gia nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNTPV cho học sinh tiểu học.*

***Từ khoá:*** *Quản lý hoạt động giáo dục, Kỹ năng tự phục vụ, Học sinh tiểu học, Tiếp cận tham gia, tỉnh Bắc Ninh.*

# MANAGEMENT OF SELF-CARE SKILL EDUCATION FOR PRIMARY SCHOOL STUDENTS IN VU NINH WARD, BAC NINH PROVINCE: A PARTICIPATORY APPROACH

***Abstract:*** *Drawing on a systematized theoretical framework for managing self-care (self-help) skill education across the functions of planning, organizing, directing, and monitoring–evaluation, this study surveyed 96 administrators and teachers using questionnaires and interviews. Findings indicate that management of self-care skill education is at a moderately good level; the stages of goal setting and contextual/condition analysis were carried out better than planning for multi-stakeholder coordination, teacher professional development, parent mobilization, and linking monitoring–evaluation with emulation and commendation. Based on these results, the paper proposes five participatory management measures to improve the effectiveness of self-care skill education for primary school students.*

***Keywords:*** *management of educational activities; self-care (self-help) skills; primary school students; participatory approach; Bac Ninh Province.*

*Nhận bài: 23/09/2025* *Phản biện: 23/10/2025* *Duyệt đăng: 27/10/2025*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Báo cáo "Learning: The Treasure Within" của UNESCO (1996) xác lập bốn trụ cột giáo dục thế kỷ XXI—học để biết, làm, tự khẳng định và chung sống—làm nền cho định hướng phát triển con người toàn diện. Ở Việt Nam, Chương trình GDPT 2018 nhấn mạnh hình thành phẩm chất và năng lực cốt lõi, đặc biệt năng lực tự chủ, tự học và thích ứng ngay từ tiểu học, qua đó đặt ra yêu cầu tăng cường giáo dục kỹ năng sống, trong đó kỹ năng tự phục vụ (KNTPV) giữ vai trò nền tảng. KNTPV được hiểu là khả năng trẻ tự chăm sóc và tổ chức sinh hoạt hằng ngày phù hợp lứa tuổi (ăn uống, vệ sinh, mặc, sắp xếp đồ dùng, giữ gìn môi trường…), là tiền đề hình thành tính tự lập, tự tin và trách nhiệm, đồng thời là cơ sở phát triển các kỹ năng sống phức hợp hơn. Các nghiên cứu trong nước chỉ ra KNTPV cần được rèn qua dạy học và hoạt động trải nghiệm, với vai trò định hướng của giáo viên và nhà trường; hiệu quả lại phụ thuộc nhiều vào quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, bồi dưỡng giáo viên, phối hợp gia đình–nhà trường và kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, còn thiếu các nghiên cứu đi sâu vào quản lý giáo dục KNTPV ở tiểu học theo tiếp cận tham gia.

Tiếp cận tham gia đề cao vai trò chủ thể của học sinh, quyền được bày tỏ và cùng quyết định các vấn đề liên quan rèn luyện của các em; bằng chứng cho thấy khi học sinh được tham gia lựa chọn hoạt động, xây dựng nội quy, tự đánh giá và phản hồi, động cơ tích cực hơn và hành vi tự phục vụ bền vững hơn. Tại phường Vũ Ninh (Bắc Ninh), dù điều kiện kinh tế–xã hội thuận lợi và phụ huynh hợp tác, vẫn tồn tại bộ phận học sinh thiếu KNTPV cơ bản, kế hoạch quản lý ở một số trường còn chung chung, tiêu chí đánh giá chưa rõ, phối hợp phụ huynh thiếu đồng bộ, sự tham gia thực chất của học sinh còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu "Quản lý hoạt động giáo dục KNTPV cho học sinh tiểu học phường Vũ Ninh theo tiếp cận tham gia" có ý nghĩa lý luận (bổ sung cơ sở quản lý theo tiếp cận tham gia) và thực tiễn (đề xuất biện pháp phù hợp bối cảnh địa phương), góp phần nâng cao chất lượng giáo dục KNTPV, đáp ứng yêu cầu GDPT 2018.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh trường tiểu học theo tiếp cận tham gia

Theo các tác giả "kỹ năng là khả năng vận dụng tri thức và phương thức hành động đã lĩnh hội vào thực tiễn, thông qua luyện tập lặp đi lặp lại mà hình thành hệ thống thao tác trí tuệ và thực hành tương đối ổn định, giúp cá nhân thực hiện có hiệu quả một hoạt động nhất định" (Đỗ Thị Bắc, 2015), (Lê Thị Cẩm Lệ và cộng sự, 2024). Trên cơ sở đó, KNTPV của học sinh tiểu học được hiểu là khả năng học sinh tự mình, một cách độc lập, thực hiện các công việc hằng ngày phù hợp lứa tuổi (ăn uống, vệ sinh, mặc – gấp quần áo, chuẩn bị đồ dùng học tập, giữ gìn môi trường sạch sẽ…) mà không cần người lớn làm thay, qua đó hình thành tính tự lập và tự tin. Giáo dục KNTPV là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà trường và giáo viên nhằm hình thành cho học sinh những kiến thức, thái độ và hành vi đúng đắn liên quan đến KNTPV, biến các hành vi đơn lẻ thành thói quen, nếp sống tích cực (Đào Thị Kim Thoa, 2024).

Tiếp cận tham gia trong quản lý giáo dục, là cách thức tổ chức và kết hợp các lực lượng khác nhau trong và ngoài nhà trường nhằm thu hút họ cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ quản lý trên cơ sở phân cấp, tự nguyện, hợp tác và phân công trách nhiệm rõ ràng (Nguyễn Trung Kiên 2023). Vận dụng vào lĩnh vực giáo dục KNTPV, tiếp cận tham gia nhấn mạnh việc huy động nhiều chủ thể cùng tham gia: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội tại địa phương. Sự tham gia này cần diễn ra xuyên suốt các khâu: xây dựng mục tiêu – nội dung, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra – đánh giá và cải tiến hoạt động giáo dục KNTPV.

Từ các quan niệm trên, có thể hiểu quản lý hoạt động giáo dục KNTPV cho học sinh tiểu học theo tiếp cận tham gia là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức của hiệu trưởng và đội ngũ quản lý nhà trường tới toàn bộ hoạt động giáo dục KNTPV (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện, đánh giá) và tới các lực lượng tham gia (giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, đoàn thể, cộng đồng…), nhằm huy động và phối hợp hiệu quả vai trò của từng chủ thể, bảo đảm hoạt động giáo dục KNTPV được triển khai đồng bộ ở nhà trường, gia đình và cộng đồng, hướng tới hình thành và phát triển KNTPV bền vững cho học sinh tiểu học.

Về nội dung, quản lý hoạt động giáo dục KNTPV theo tiếp cận tham gia trong trường tiểu học bao gồm: (1) Lập kế hoạch giáo dục KNTPV với sự tham gia góp ý, phản hồi của giáo viên, cha mẹ học sinh và đại diện học sinh; (2) Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục KNTPV trong dạy học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, lao động, tham quan…, đồng thời thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên với gia đình và địa phương; (3) Chỉ đạo việc lựa chọn phương pháp, hình thức giáo dục KNTPV phù hợp đặc điểm lứa tuổi, phát huy vai trò chủ thể của học sinh; (4) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và kết quả KNTPV của học sinh trên cơ sở tiêu chí, thang đo rõ ràng (có thể vận dụng các mức độ hình thành kỹ năng theo Dave hoặc Bloom), có sự tham gia đánh giá của giáo viên, học sinh và phụ huynh, từ đó điều chỉnh kế hoạch, biện pháp quản lý cho phù hợp (Đặng Thị Kim Nhung, 2024), (Nguyễn Trung Kiên, 2023).

Như vậy, về mặt lý luận, quản lý hoạt động giáo dục KNTPV cho học sinh tiểu học theo tiếp cận tham gia vừa kế thừa các chức năng cơ bản của quản lý giáo dục, vừa nhấn mạnh yêu cầu huy động, điều phối và gắn kết các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo môi trường thống nhất, liên thông cho việc hình thành và phát triển KNTPV của học sinh tiểu học.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh ở các trường tiểu học phường Vũ Ninh theo tiếp cận tham gia

Trên cơ sở khung lý luận về quản lý hoạt động giáo dục KNTPV theo tiếp cận tham gia, nghiên cứu thực trạng được tiến hành tại 04 trường tiểu học, tiểu học và THCS trên địa bàn phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Trường Tiểu học Vũ Ninh, Trường Tiểu học Thị Cầu, trường TH&THCS Kim Chân ; Trường TH& THCS Đáp Cầu). Đối tượng khảo sát gồm: 11 cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn), 85 giáo viên (tổng cộng CBQL và GV: 96 người).

Phương pháp thu thập số liệu chủ yếu là phiếu trưng cầu ý kiến đối với CBQL, GV; phỏng vấn một số CBQL, GV về công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh theo tiếp cận tham gia; đồng thời nghiên cứu hồ sơ, văn bản chỉ đạo, kế hoạch, biên bản tập huấn, hội thảo, hội nghị liên quan đến tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ tại các trường.

Các nội dung khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức (1–5) để đánh giá mức độ hiệu quả, mức độ cần thiết và mức độ ảnh hưởng. Giá trị trung bình được diễn giải theo các khoảng: 4,21–5,00 (tốt/rất cần thiết/rất ảnh hưởng); 3,41–4,20 (khá/ cần thiết/ảnh hưởng); 2,61–3,40 (trung bình/bình thường/khá ảnh hưởng); 1,81–2,60 (yếu/không cần thiết/ít ảnh hưởng); 1,00–1,80 (kém/rất không cần thiết/không ảnh hưởng).

*2.2.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh ở trường tiểu học theo tiếp cận tham gia*

*Bảng 1. Thực trạng xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh theo tiếp cận tham gia*

| TT | Nội dung | ĐTB | Thứ bậc |
|---|---|---|---|
| 1 | Xác định mục tiêu của hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh trong trường tiểu học. | 3.63 | 2 |
| 2 | Phân tích những mặt mạnh và yếu, thuận lợi và khó khăn hiện tại của nhà trường cho việc triển khai giáo dục kỹ năng tự phục vụ. | 3.81 | 1 |
| 3 | Xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh theo tuần, tháng, năm phù hợp với chủ đề các bản kế hoạch giáo dục cụ thể của giáo viên trong từng nhóm học sinh, độ tuổi. | 3.57 | 3 |
| 4 | Xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí các nguồn lực, chi phí cho hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ trong nhà trường. | 3.49 | 4 |
| 5 | Xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng cho giáo viên về giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh. | 3.49 | 4 |
| 6 | Dự kiến về thời gian thực hiện, nội dung, mục tiêu đối với chương trình giáo dục và các chủ đề nhằm thực hiện giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh. | 3.41 | 6 |
| 7 | Xây dựng dự thảo, lấy ý kiến bổ sung, thống nhất trong toàn trường về nội dung gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo duyệt và triển khai thực hiện. | 3.23 | 7 |
| 8 | Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng trong và ngoài trường tiểu học đối với hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục cho học sinh. | 3.23 | 7 |
| | **Trung bình chung** | **3,48** | |

Khảo sát 96 CBQL, GV tại các trường tiểu học phường Vũ Ninh cho thấy các hoạt động lập kế hoạch giáo dục KNTPV được đánh giá ở mức khá (ĐTB = 3,48 – bảng 2.13). Nội dung được thực hiện tốt nhất là phân tích điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn của nhà trường khi triển khai giáo dục KNTPV (ĐTB = 3,81). Ngược lại, hai nội dung có ĐTB thấp nhất (3,23) là: xây dựng dự thảo kế hoạch, lấy ý kiến thống nhất trong toàn trường trước khi trình Phòng GD&ĐT phê duyệt và lập kế hoạch phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường. Điều đó cho thấy công tác kế hoạch hóa đã được chú ý nhưng tính tham gia của giáo viên và các lực lượng xã hội còn hạn chế, chưa tạo được nền tảng vững chắc cho việc phối hợp giáo dục KNTPV giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng.

*2.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh ở trường tiểu học theo tiếp cận tham gia*

*Bảng 2. Thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh theo tiếp cận tham gia*

| TT | Nội dung | ĐTB | Thứ bậc |
|---|---|---|---|
| 1 | Xác định các bộ phận trong nhà trường tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh: cán bộ quản lý, các nhóm trưởng chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các bộ phận khác trực tiếp tham gia. | 3.69 | 2 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2 | Xác định nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận tham gia giáo dục kỹ năng tự phục vụ : bộ phận chỉ đạo (ban giám hiệu), bộ phận chỉ đạo trực tiếp (tổ trưởng chuyên môn và các bộ phận có liên quan), bộ phận tham gia giáo dục trực tiếp (giáo viên trong nhà trường). | 3.55 | 3 |
| 3 | Tổ chức tập huấn, nâng cao bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh trong nhà trường. | 3.26 | 6 |
| 4 | Xác lập cơ chế phối hợp làm việc giữa các bộ phận giáo dục giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh trong nhà trường. | 3.45 | 4 |
| 5 | Triển khai kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh của nhà trường theo đúng tiến độ. | 3.89 | 1 |
| 6 | Triển khai các văn bản, chỉ thị, yêu cầu của ngành về yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học đến giáo viên và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, từng cá nhân. | 3.34 | 5 |
| 7 | Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong việc giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh. | 3.21 | 7 |
| | **Trung bình chung** | **3,40** | |

Kết quả bảng 2 cho thấy tổ chức thực hiện giáo dục KNTPV được CBQL, GV đánh giá ở mức trung bình khá (ĐTB = 3,40). Nội dung nổi bật là triển khai kế hoạch giáo dục KNTPV theo đúng tiến độ năm học (ĐTB = 3,89). Tuy nhiên, hai nội dung then chốt lại có điểm thấp nhất: tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục KNTPV cho GV (ĐTB = 3,00) và chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục KNTPV (ĐTB = 2,94). Thực trạng này cho thấy các trường tuy đã triển khai kế hoạch nhưng chưa chú trọng đầy đủ đến việc bảo đảm điều kiện thực thi và nâng cao năng lực tổ chức hoạt động cho giáo viên, làm hạn chế chất lượng và tính bền vững của hoạt động giáo dục KNTPV theo tiếp cận tham gia.

*2.2.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh ở trường tiểu học theo tiếp cận tham gia*

Thực trạng chỉ đạo thực hiện giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh theo tiếp cận tham gia chức năng chỉ đạo đối với hoạt động giáo dục KNTPV được đánh giá ở mức trung bình (ĐTB = 3,39). CBQL thực hiện tương đối tốt việc xác định phương hướng, mục tiêu giáo dục KNTPV cho học sinh (ĐTB = 3,63). Tuy nhiên, hai nội dung trực tiếp thể hiện tiếp cận tham gia lại có điểm thấp: chỉ đạo GV nghiên cứu, vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục KNTPV phù hợp đặc điểm lứa tuổi (ĐTB = 3,07 – thấp nhất) và động viên, khích lệ các lực lượng cùng tham gia giáo dục KNTPV (ĐTB = 3,32). Như vậy, hoạt động chỉ đạo hiện nay còn nặng về đề ra chủ trương, mục tiêu, trong khi thiếu các biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn cụ thể và cơ chế khích lệ GV, PHHS và cộng đồng tham gia tích cực vào giáo dục KNTPV.

*2.2.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh ở trường tiểu học theo tiếp cận tham gia*

Kết quả Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh theo tiếp cận tham gia cho thấy hoạt động kiểm tra, đánh giá giáo dục KNTPV ở các trường tiểu học phường Vũ Ninh cũng ở mức trung bình (ĐTB = 3,37). Nội dung được thực hiện tốt nhất là tổng kết việc thực hiện các hoạt động giáo dục KNTPV cho học sinh (ĐTB = 3,62). Trong khi đó, một loạt nội dung quan trọng khác chỉ đạt mức trung bình: kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị (ĐTB = 3,40); kiểm tra công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (ĐTB = 3,17); sử dụng kết quả kiểm tra hoạt động KNTPV để đánh giá CBQL, GV (ĐTB = 3,11); kiểm tra việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy gắn với KNTPV (ĐTB = 3,10 – thấp nhất). Điều này cho thấy kiểm tra, đánh giá chủ yếu dừng ở tổng kết cuối năm, chưa thực sự trở thành công cụ điều chỉnh kịp thời hoạt động, chưa gắn chặt với thi đua, khen thưởng và phát triển năng lực đội ngũ trong giáo dục KNTPV theo tiếp cận tham gia.

*2.3. Đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh ở các trường tiểu học phường Vũ Ninh theo tiếp cận tham gia*

Từ cơ sở lý luận và thực trạng, nhóm nghiên cứu đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động

giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh theo tiếp cận tham gia như sau:

Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phụ huynh học sinh về ý nghĩa, mục tiêu và nội dung giáo dục KNTPV cho học sinh tiểu học, thông qua tuyên truyền, tập huấn, sinh hoạt chuyên đề, hội thảo nhà trường – gia đình – xã hội.

Biện pháp 2: Lập kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với gia đình và các lực lượng xã hội trong hoạt động giáo dục KNTPV; bảo đảm việc xây dựng, lấy ý kiến, thống nhất và triển khai kế hoạch theo hướng huy động đầy đủ sự tham gia, phân công rõ trách nhiệm các bên liên quan.

Biện pháp 3: Tăng cường các hoạt động chỉ đạo của hiệu trưởng trong tổ chức thực hiện giáo dục KNTPV, chú trọng hướng dẫn chuyên môn, điều phối nguồn lực, động viên – khích lệ GV và PHHS cùng tham gia, bảo đảm các hoạt động giáo dục KNTPV được thực hiện thường xuyên, liên tục và phù hợp đặc điểm lứa tuổi học sinh.

Biện pháp 4: Bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục KNTPV cho đội ngũ GV tham gia thực hiện, thông qua các lớp tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ – rút kinh nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm tốt giữa các trường.

Biện pháp 5: Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục KNTPV gắn với công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng, coi trọng đánh giá quá trình và kết quả, sử dụng kết quả kiểm tra – đánh giá để điều chỉnh kế hoạch, nâng cao trách nhiệm của CBQL, GV và động lực tham gia của các lực lượng giáo dục.

## III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã làm rõ cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục KNTPV cho học sinh tiểu học theo tiếp cận tham gia và chỉ ra bức tranh thực trạng tại các trường tiểu học phường Vũ Ninh. Kết quả khảo sát cho thấy công tác quản lý đã được triển khai ở mức trung bình khá, song vẫn tồn tại những khoảng trống về nhận thức, lập kế hoạch phối hợp, chỉ đạo chuyên môn, bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động và sử dụng kiểm tra, đánh giá như một công cụ điều chỉnh gắn với thi đua, khen thưởng. Năm biện pháp được đề xuất – nâng cao nhận thức; lập kế hoạch phối hợp nhà trường – gia đình; tăng cường chỉ đạo; bồi dưỡng năng lực giáo viên; và hoàn thiện kiểm tra, giám sát gắn thi đua – có mối quan hệ bổ trợ, cần được triển khai đồng bộ, linh hoạt theo điều kiện cụ thể của từng nhà trường, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục KNTPV cho học sinh tiểu học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO


UNESCO (1996), *Learning: The Treasure Within. Report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-first Century*, Paris.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.*

Mai Ngọc Liên (2008), *Biện pháp giáo dục tính tự lực của trẻ 24–36 tháng thông qua hoạt động tự phục vụ*, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Đỗ Thị Bắc (2015), *Giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo bé ở một số trường mầm non thành phố Thái Nguyên,* Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

Lê Thị Cẩm Lệ, Trần Quang Đại Thanh, Nguyễn Thanh Mai (2024), *Rèn luyện kĩ năng tự phục vụ cho học sinh lớp 2 thông qua tổ chức Hoạt động trải nghiệm,* Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Kì 2, tháng 7.

Đào Thị Kim Thoa (2024), *Giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho học sinh lớp 2 thông qua dạy học môn Đạo đức đáp ứng* Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Kì 1, tháng 4.

Nguyễn Thị Hồng Nhung, Phạm Đào Tiên (2024), *Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non công lập huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh,* Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Kì 2, tháng 5.

Đặng Thị Kim Nhung (2024), *Thực trạng quản lý giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo theo hướng phối hợp giữa nhà trường và gia đình tại các trường mầm non quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng,* Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Kì 2, tháng 5.

Trần Thị Thịnh, Lê Thị Minh Ngọc (2024), *Xây dựng văn hóa sử dụng nền tảng số trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học theo tiếp cận tham gia,* Tạp chí Quản lý giáo dục, Vol. 16, No. 12, tr. 64–70. DOI: 10.53750/jem24.v16.n12.64.

Nguyễn Trung Kiên (2023), *Cơ sở lý luận về quản lý giáo dục STEM ở trường tiểu học theo tiếp cận tham gia,* Tạp chí Quản lý giáo dục, Vol. 15, No. 6, tr. 59–62. DOI: 10.53750/jem23.v15.n6.59.